

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 939/2025/DS-PT
Ngày: 31-12-2025
V/v tranh chấp dân sự về hui.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán: Ông Hứa Quang Thông;

Ông Sỹ Danh Đạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 620/2025/TLPT- DS, ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp dân sự về hui*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 14-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 657/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 599/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp);

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Kim N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Nay là ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp.)

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D1 là nguyên đơn trong vụ án.

(Bà D1 có mặt, bà N vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà D có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000đ khai ngày 20/10/2022 gồm 26 phần, bà D tham gia hai dây (dây A + dây B, mỗi dây một phần (1.000.000đ/phần), tên tham gia trong danh sách hụi là “mợ B”.

Dây A, bà D đóng được 02 lần hụi sống thì hốt hụi số tiền khoảng 21.000.000đ; bà N đã giao đủ tiền hụi cho bà D.

Dây hụi B, bà D đóng được 10 lần hụi sống thì hốt hụi. Sau đó tiếp tục đóng hụi chết cho bà N được 07 lần, còn nợ lại 09 lần là 9.000.000đ.

Do không có còn khả năng cùng lúc tham gia hai dây, nên bà D đã sang dây hụi A cho bà P (họ tên cụ thể không nhớ). Việc sang hụi cho bà P, bà N biết và đồng ý. Tiền hụi chết hàng tháng của dây hụi A, bà P đóng cho bà N. Bà P đóng được 07 lần hụi chết thì bỏ địa phương đi, còn lại 17 lần chết chưa đóng, số tiền là 17.000.000đ.

- Dây hụi 2.000.000đ, khai ngày 05/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau do năm nhuận), gồm 24 phần, bà D tham gia một phần và đóng hụi sống được 13 lần (bình quân mỗi tháng đóng khoảng 1.600.000đ). Bà D đóng hụi sống đến lần thứ 13 thì bà N không cho bà D tham gia mặc dù còn 11 lần nữa dây hụi mới kết thúc. Đồng thời, bà N đã tự cân trừ số tiền hụi sống mà bà D đã đóng được 13 lần là 26.000.000đ (tính luôn tiền lời được nhận) vào số tiền hụi chết của dây A (đã sang cho bà P còn lại 17 lần chết) và dây hụi B của bà D còn lại 09 lần chết.

Nay bà D yêu cầu bà N trả số tiền hụi sống đã đóng của dây hụi khai ngày 05/02/2023 là 26.000.000đ nhưng đồng ý cân trừ số tiền hụi chết còn nợ bà N là 9.000.000đ. Số tiền bà N còn phải trả cho bà D là 17.000.000đ.

Đối với yêu cầu phản tố của bà N về việc yêu cầu bà D trả số tiền hụi chết của dây A, bà D không đồng ý. Vì bà D đã sang cho bà P, khi sang hụi bà N biết và đồng ý nên bà P chịu trách nhiệm trả cho bà N.

Hiện nay, bà P đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, bà D không cung cấp được nơi ở hiện nay của bà P, cũng không có tranh chấp yêu cầu gì đối với bà P.

Ngoài ra, bà D không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại đơn phản tố, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà N1 thống nhất việc bà D có tham gia các dây hụi trên và còn nợ tiền hụi chết cụ thể:

- Dây hụi 1.000.000đ/phần khai ngày 20/10/2022 (dây A), gồm 26 phần, bà D tham gia một phần, tên tham gia trong danh sách hụi là “mợ B”. Bà D đã hốt hụi, thời gian hốt không nhớ. Còn nợ lại 17 lần hụi chết là 17.000.000đ.

- Dây hụi 1.000.000đ/phần khai ngày 20/10/2022 (dây B), gồm 26 phần, bà D tham gia một phần, tên tham gia trong danh sách hụi là “mợ B”. Bà D đã hốt hụi xong, thời gian hốt không nhớ. Còn nợ lại 09 lần hụi chết là 9.000.000đ.

Tổng số tiền hụi chết (dây A + B) bà D nợ là 26.000.000đ.

- Sau đó, bà D1 tiếp tục tham gia dây hụi 2.000.000đ/phần, khai ngày 05/02/2023 âm lịch (tháng 02 sau do năm nhuận), gồm 24 phần, bà D tham gia một phần, đóng hụi sống được 13 lần, số tiền 26.000.000đ (tính luôn tiền lãi), thì bà N1 ngưng không cho bà D tham gia nữa và tự cản trừ số tiền hụi sống bà D đã đóng là 26.000.000đ (13 lần) vào tiền hụi chết còn nợ của dây A, B.

Đối với việc bà D trình bày đã sang dây hụi A cho bà P, bà N1 không biết. Khi bà D hốt hụi, bà N1 giao trực tiếp cho bà D, hàng tháng bà D đóng hụi chết cho bà N1. Tuy nhiên, có 02 lần đến tháng đóng hụi chết bà D có nhờ bà N1 đến gặp bà P lấy hụi chết dùm.

Nay bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà D. Đồng thời bà N1 có yêu cầu phản tố: Yêu cầu bà D trả 17.000.000đ tiền hụi của dây A. Đối với số tiền hụi chết 9.000.000đ của dây B; bà D đồng ý cản trừ vào số tiền hụi sống đã đóng là 26.000.000đ, bà N1 thống nhất không có ý kiến.

Hiện nay, bà P đã bỏ địa phương đi đâu không rõ, bà N1 không cung cấp được nơi ở hiện nay của bà P, không yêu cầu Tòa án triệu tập bà P tham gia tố tụng, cũng không có tranh chấp yêu cầu gì đối với bà P.

Ngoài ra, bà N1 không còn yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 14/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8- Đồng Tháp, đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Kim N trả cho bà Nguyễn Thị D 17.000.000đ (dây hụi sống khai ngày 05/02/2023).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Kim N.

Buộc bà Nguyễn Thị D trả cho bà Nguyễn Kim N 17.000.000đ (dây hụi A khai ngày 20/10/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Kim N phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 425.000đ bà N đã nộp ngày 28/7/2025 theo biên lai thu số 0000838 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ vào án phí phải nộp. Bà N còn phải nộp tiếp số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn nộp án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D kháng cáo: Bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Kim N về việc buộc bà D trả cho bà N số tiền 17.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Kim N vắng mặt không lý do. Xét sự vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung vụ án thể hiện:

[2.1] Căn cứ đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D1: Bà D1 yêu cầu bà N trả 17.000.000đ của dây hui sống ngày 05/02/2023 (sau khi đã cản trừ 9.000.000đ tiền hui chết của dây B). Tại cấp sơ thẩm, bị đơn bà N thừa nhận bà D có tham gia dây hui 2.000.000đ khai ngày 05/02/2023 và đóng được 13 lần hui sống số tiền 26.000.000đ (tính luôn phần tiền lời bà D được khi hốt hui). Do bà D còn nợ 17 lần hui chết của dây A và 09 lần hui chết của dây B chưa đóng nên khi bà D đóng được 13 lần hui sống thì bà N ngưng không cho bà D tham gia nữa. Đồng thời, tự ý cản trừ 13 lần hui sống vào tiền hui chết (dây A, B). Việc bà N tự cản trừ tiền hui sống của dây hui chưa kết thúc vào dây hui chết nhưng chưa được sự đồng ý của bà D là không phù hợp quy định pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà D đồng ý cản trừ 9.000.000đ tiền hui chết (dây A) vào tiền hui sống; phía bà N cũng thông nhất. Xét thấy, sự thỏa thuận này của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện,

phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận: Buộc bà N trả cho bà D 17.000.000đ tiền hụi (sau khi đã căn trừ 9.000.000đ tiền hụi chết), là có căn cứ.

[2.2] Căn cứ Đơn yêu cầu phản tố và trình bày của bị đơn bà Nguyễn Kim N: Bà N yêu cầu nguyên đơn bà D trả 17.000.000đ tiền hụi chết (dây A). Tại cấp sơ thẩm: Bà D cũng thừa nhận có tham gia hai dây hụi 1.000.000đ khui cùng ngày 22/10/2022 (dây A và dây B). Trong đó dây hụi B, bà D thống nhất còn nợ bà N 9.000.000đ tiền hụi chết, đồng ý căn trừ vào tiền hụi sống đã đóng.

Đối với dây hụi A, bà D thừa nhận cũng đã hốt hụi. Tuy nhiên, bà D cho rằng do cùng lúc tham gia hai dây hụi (A – B), không có khả năng đóng hụi chết nên đã sang dây hụi A cho bà P, bà P trực tiếp đóng hụi chết cho bà N được 07 lần, còn lại 17 lần số tiền 17.000.000đ thì ngưng. Việc bà D sang hụi cho bà P thì bà N biết và đồng ý. Do đó, bà D cho rằng bà P phải là người chịu trách nhiệm trả tiền hụi còn nợ 17.000.000đ này cho bà N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D không có chứng cứ chứng minh việc bà D sang hụi cho bà P được bà N đồng ý: Không có giấy tờ thỏa thuận giữa 03 bên về việc sang hụi, bà N không thừa nhận việc bà D sang hụi cho bà P, tên trong sổ hụi vẫn là của bà D “mợ B”. Bà D không có chứng cứ chứng minh bà N trực tiếp thu tiền hụi chết do bà P đóng 07 lần. Bà N chỉ thừa nhận có gặp bà P 02 lần do bà D kêu bà N gặp bà P lấy tiền đóng hụi dùm. Mặt khác, việc bà N gặp bà P lấy tiền không đủ căn cứ chứng minh việc bà D “sang hụi” cho bà P. Ngoài ra, bà D không cung cấp được họ, tên, địa chỉ của bà P để Tòa án làm việc, xác minh. Do đó, bà D phải chịu trách nhiệm trả tiền cho bà N như trong sổ hụi đã ghi. Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N là có căn cứ.

Trong trường hợp sau này, bà D có căn cứ chứng minh đã giao tiền (bán hụi) cho bà P, nếu có tranh chấp, bà D có quyền khởi kiện đòi tiền bà P bằng vụ kiện khác.

[2.3] Từ những căn cứ, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 14-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp xét xử là có căn cứ. Bà D kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà D được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm do là người cao tuổi.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2025/DS-ST ngày 14-8-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đồng Tháp.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 264, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Kim N trả cho bà Nguyễn Thị D 17.000.000đ (dây hụi sống khui ngày 05/02/2023)

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Kim N.

Buộc bà Nguyễn Thị D trả cho bà Nguyễn Kim N 17.000.000đ (dây hụi A khui ngày 20/10/2022)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Kim N phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 425.000đ bà N đã nộp ngày 28/7/2025 theo biên lai thu số 0000838 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ vào án phí phải nộp. Bà N còn phải nộp tiếp số tiền 425.000đ (Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn nộp án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm đối với bà Nguyễn Thị D do là người cao tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 8;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và THA, TA Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Kim Xuân